TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Án số: 22/2018/DS - ST
Ngày 27/11/2018
Về Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Huế – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-DS ngày 11/9/2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX- ST ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: 130 P, phường 3, quận P, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Tổng Giám đốc

(Quyết định ủy quyền số 122/QĐ - DAB - HĐQT ngày 27/4/2016)

Người đại diện theo ủy quyền thứ 2: Ông Trần Văn G – Giám đốc Chi nhánh Thái Bình – phòng giao dịch Đ.

(Quyết định ủy quyền số 636/QĐ - DAB - PC ngày 22/5/2018)

Người đại diện được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thanh T

Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Thái Bình, Phòng giao dịch Đ.

(Quyết định ủy quyền số 09/QĐ - DAB – DHG1 ngày 05/9/2018)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn Quang C** (tức Đ) sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt bà T, vắng mặt bà S, ông C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Theo giấy đề nghị vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ của bà Nguyễn Thị S, ngày 31/10/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Thái Bình, Phòng giao dịch Đ đã duyệt cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng, chia làm 12 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng kể từ ngày 31/10/2016 đến ngày 31/10/2017, mục đích vay mua máy làm thêm, hình thức thanh toán: trả cả gốc và lãi hàng tháng theo quy định của Ngân hàng Đ (theo bảng dự tính thu RULE 78); hình thức bảo đảm khoản vay: tín chấp thông qua xác nhận của Chủ tịch Hội phụ nữ và Chủ tịch UBND xã Đ. Ngày 31/10/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã thực hiện cho bà S nhận nợ theo hình thức báo có vào tài khoản số 034183001264 của bà Nguyễn Thị S mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 20.000.000đồng. Quá trình vay, từ ngày 31/10/2016 đến ngày 27/3/2017, bà Nguyễn Thị S đã trả được tổng số tiền gồm: Gốc: 4.698.462đồng; lãi trong hạn: 761.538đồng. Do bà Nguyễn Thị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 28/3/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 20/8/2018, bà S còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc là: 15.301.538đồng; lãi trong hạn: 1.038.462đồng; lãi quá hạn: 2.277.448đồng.

Do sơ xuất nên Ngân hàng đã không kiểm tra kỹ hồ sơ, không kiểm tra giấy tờ tùy thân của người bảo lãnh và cũng không trực tiếp nhìn người bảo lãnh ký vào hồ sơ. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/8/2018 là 18.617.448đồng, lãi phát sinh từ ngày 21/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/11/2018) là 556.593đồng.

Không yêu cầu người bảo lãnh là ông Nguyễn Quang C phải trả nợ cho Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị S là bị đơn trong vụ án, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1983; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Hiện nay bà S không có mặt tại địa phương, từ khoảng tháng 5/2017, bà S đưa hai con của bà vào Miền Nam sinh sống nhưng địa chỉ cụ thể ở đâu địa phương không biết được. Khi đi khỏi địa phương, bà S không báo cáo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không biết bà S hiện đang ở đâu, làm gì. Từ khoảng tháng 5/2017 bà S không về địa phương.

Vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của bà S và phải tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Quang C: Do ông Nguyễn Quang C đi làm ăn xa nên Tòa án đã ghi lời khai của vợ ông C là bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1963; địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Bà H khai:

tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/10/2016, tại phần người bảo lãnh có ký tên là "C - Nguyễn Quang C" không phải là chữ ký của ông Nguyễn Quang C, sinh năm 1962; trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T (chồng bà), bà có được Tòa án cho xem chữ ký tại phần người bảo lãnh trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, bà đã gọi điện cho chồng bà là ông Nguyễn Quang C (ông C đang làm ăn ở Quảng Ninh), chồng bà có nói không ký vào giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ của Ngân hàng Đ, chồng bà không đề nghị giám định chữ ký và cũng không đồng ý trả tiền cho Ngân hàng Đ vì chồng bà không vay tiền của Ngân hàng Đ. Chồng bà không đến Tòa án làm việc được vì đang đi làm ăn xa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng với quy định của pháp luật còn đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Tòa án xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Quang C đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bà Nguyễn Thị S thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung, ông Nguyễn Quang C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà S, ông C.

[**2] Về nội dung**:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án do bà S không có mặt tại địa phương nên Tòa án không ghi được lời khai của bà S. Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1983; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T. Bà Nguyễn Thị S có ký vào phần người vay trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/10/2016 để vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Như vậy xác nhận có việc bà S vay của

Ngân hàng TMCP Đ số tiền 20.000.000đồng. Về lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi quá hạn là 1,5 lần mức lãi trong hạn tức là 13,5% phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về chữ ký C - Nguyễn Quang C trong mục người bảo lãnh trong Giấy đề nghị vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/10/2016, bà Nguyễn Thị H là vợ ông C khai bà đã gọi điện cho chồng bà và chồng bà có nói không ký vào giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ của Ngân hàng Đ, chồng bà không đề nghị giám định chữ ký và cũng không đồng ý trả tiền cho Ngân hàng Đ vì chồng bà không vay tiền của Ngân hàng Đ. Đại diện Ngân hàng cũng không đề nghị giám định chữ ký, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đề nghị Tòa án chỉ buộc người vay có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng không yêu cầu người bảo lãnh phải trả nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Theo quy định tại Phần IV "Phần cam kết của người bảo lãnh" trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/10/2016 thì trong trường hợp bà Nguyễn Thị S không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Đ Bank, ông C sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại Đ Bank". Tuy nhiên do hồ sơ tín dụng lập chưa được chặt chẽ và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không yêu cầu người bảo lãnh phải trả nợ tiền cho Ngân hàng, vì vậy chỉ buộc bà S có trách nhiệm trả nợ cho Đ Bank không buộc ông C phải trả cho Đ Banhk.

[3] Về án phí: Bà S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, bà S, ông C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 122; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1983; có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (trả tại chi nhánh huyện Đ, tỉnh) số tiền 19,173.928đồng trong đó tiền gốc là: 15.301.538đồng; tiền lãi tính đến hết ngày 27/11/2018 là 3.872.390 đồng gồm lãi trong hạn: 1.038.462đồng; lãi quá hạn 2.833.928đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 958. 696 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 500.000đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0007753 ngày 11/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà T báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà S, ông C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương